

Unit 6: Preserving our heritage

WORD	PRONUNCIATION	MEANING
ancient (adj)	/ˈeɪnʃənt/	cổ kính
appreciate (v)	/əˈpriːʃiət/	hiểu rõ giá trị, đánh giá cao
citadel (n)	/ˈsɪtədəl/	thành trì
complex (n)	/ˈkɒmpleks/	quần thể, tổ hợp
crowdfunding (n)	/ˈkraʊdfʌndɪŋ/	quyên góp, huy động vốn từ cộng đồng
festive (adj)	/ˈfestɪv/	thuộc về ngày lễ, có không khí lễ hội
fine (n)	/faɪn/	tiền phạt
folk (adj)	/fəʊk/	thuộc về dân gian
heritage (n)	/ˈherɪtɪdʒ/	di sản
historic (adj)	/hɪˈstɒrɪk/	quan trọng, có giá trị lịch sử
historical (adj)	/hɪˈstɒrɪkl/	thuộc về lịch sử, mang tính lịch sử
imperial (adj)	/ɪmˈpiəriəl/	thuộc về hoàng tộc
landscape (n)	/ˈlændskeɪp/	phong cảnh
limestone (n)	/ˈlaɪmstəʊn/	đá vôi
monument (n)	/ˈmɒnjumənt/	lăng mộ, đài kỷ niệm, công trình kiến trúc
performing arts (n)	/pəˈfɔːmɪŋ ˈɑːts/	nghệ thuật biểu diễn
preserve (v)	/prɪˈzɜːv/	bảo tồn
restore (v)	/rɪˈstɔː/	khôi phục, sửa lại
state (n)	/steɪt/	hiện trạng, tình trạng
temple (n)	/ˈtempl/	đền, miếu
trending (adj)	/ˈtrendɪŋ/	theo xu hướng
valley (n)	/ˈvæli/	thung lũng

Noun			
1	Heritage	/ˈherɪtɪdʒ/	Di sản

2	Suggestion	/sə'dʒestʃən/	Gợi ý
3	Landscape	/'lændskeɪp/	Thắc cảnh
4	Monument	/'mɒnjumənt/	Đài tưởng niệm
5	Temple	/'templ/	Đền, đình
6	Architecture	/'ɑ:kɪtektʃə(r)/	Kiến trúc
7	Delta	/'delta/	Đồng bằng châu thổ
8	Scenery	/'si:nəri/	Phong cảnh
9	Complex	/'kɒmpleks/	Tổ hợp
10	Biodiversity	/baɪəʊdaɪ'vɜ:səti/	Đa dạng sinh học
11	Leaflet	/'li:flət/	Tờ rơi
12	Mausoleum	/mɔ:zə'li:əm/	Lăng tẩm
13	Generation	/dʒenə'reɪʃn/	Thế hệ
Verb			
1	Preserve	/prɪ'zɜ:v/	Bảo tồn
2	Recognize	/'rekəɡnaɪz/	Công nhận
3	Explore	/ɪk'splɔ:(r)/	Khám phá
4	Promote	/prə'məʊt/	Tăng cường, củng cố
5	Pass down	/pɑ:s daʊn/	Truyền lại
6	Restore	/rɪ'stɔ:(r)/	Khôi phục
7	Organize	/'ɔ:gənaɪz/	Tổ chức
8	Develop	/dɪ'veləp/	Phát triển
Adjective			
1	Ancient	/'eɪnfənt/	Cổ xưa
2	Ordinary	/'ɔ:dnri/	Bình thường
3	Historic	/hɪ'stɒrɪk/	Mang tính lịch sử

4	Sustainable	/sə'steɪnəbl/	Bền vững
5	Unique	/ju'ni:k/	Độc đáo
Phrases			
1	Field trip	/fi:ld trɪp/	Chuyến đi thực tế
2	Cultural value	/'kʌltʃərəl 'vælju:/	Giá trị văn hóa
3	Original state	/ə'ɹɪdʒənəl steɪt/	Nguyên trạng
4	Floating market	/'fləʊtɪŋ 'mɑ:kɪt/	Chợ nổi
5	Pedestrian street	/pə'destriən stri:t/	Phố dành cho người đi bộ
6	Limestone mountain	/'laɪmstəʊn 'maʊntən/	Núi đá vôi
7	One-pillar pagoda	/wʌn'pɪlə(r) pə'gəʊdə/	Chùa một cột
8	Flag tower	/flæg 'taʊə(r)/	Cột cờ
9	Imperial citadel	/ɪm'piəriəl 'sɪtədəl/	Hoàng thành
10	Wildlife habitat	/'waɪldlaɪ 'hæbɪtæt/	Môi trường sống hoang dã
11	Tourist destination	/'tʊərɪst destɪ'neɪʃn/	Điểm đến du khách

Ex 1: Find the word which has a different sound in the part underlined.

1. A. landscape B. habitat C. natural D. central
2. A. monument B. furious C. unique D. cultural
3. A. suggestion B. attraction C. solution D. proportion
4. A. mountain B. tourist C. founder D. hourly
5. A. scenery B. complex C. historic D. calculate
6. A. temple B. delta C. leaflet D. envelope
7. A. preserved B. promoted C. restored D. organized
8. A. limestone B. exciting C. wildlife D. tradition

9. A. pagoda B. tower C. proposal D. location
 10. A. programs B. discussions C. statements D. guides

Ex II: Choose a word that has a different stress pattern from others.

1. A. temporary B. generation C. architecture D. mausoleum
 2. A. explore B. building C. perform D. discuss
 3. A. develop B. ordinary C. imperial D. importance
 4. A. destination B. entertainment C. competition D. endangered
 5. A. sustainable B. original C. pedestrian D. pavement
 6. A. encourage B. direction C. certainly D. condition
 7. A. conversation B. communicate C. authority D. exaggerate
 8. A. rubbish B. destroy C. local D. harbor
 9. A. attention B. division C. souvenir D. important
 10. A. usually B. understand C. permanent D. logical

Ex III: Say the words out loud and odd one out.

1. A. century B. lifestyle C. decade D. millennium
 2. A. specific B. general C. detailed D. informative
 3. A. command B. request C. reward D. inquiry
 4. A. ancient B. beautiful C. interesting D. heritage
 5. A. history B. literature C. research D. economics
 6. A. museum B. temple C. pagoda D. cathedral
 7. A. valley B. hill C. mountain D. ocean
 8. A. commercial B. political C. historical D. information
 9. A. custom B. appreciate C. festival D. tradition
 10. A. unusual B. weird C. strange D. typical

Ex IV: Match the words to make phrases.

1. field		a. singing
----------	--	------------

2. heritage		b. values
3. group		c. site
4. cultural		d. valleys
5. folk		e. markets
6. floating		f. state
7. natural		g. media
8. original		h. beauty
9. green		i. streets
10. pedestrian		j. trip
11. ordinary		k. presentation
12. social		l. people

Ex V: Circle the best word.

1. She is writing a leaflet to inform people **with/about** some ways to preserve Trang An Scenic Landscape Complex.
2. It is a great way to **produce/promote** this kind of cultural heritage of northern Viet Nam.
3. Mrs. Smith **takes/has** a boat trip around floating market because she wants to listen to folk songs.
4. The website was designed to give tourists more information about local **historic/historical** sites.
5. They suggest **to use/using** social media to encourage youngsters to learn more about heritage sites.
6. He **makes/does** good use of the social media to express his opinions on current issues.
7. Our club invites some artists **perform/to perform** and teach students some folk singing, dancing and music.
8. They are doing to make cultural heritage more **wide/widely** known to people all over the world.

9. One way to **preserve/restore** cultural heritage is to raise people's awareness of its importance.

10. Our group propose **set/setting** up a folk club to preserve traditional music.

Ex VI: Match.

1. visit		a. postcards and souvenirs
2. perform		b. novels
3. read		c. the world's heritage
4. tell		d. interesting lessons
5. sell		e. the old temples
6. open		f. some important events
7. preserve		g. a local festival
8. hold		h. prompt actions
9. play		i. folk songs
10. take		j. a small shop near the centre
11. attend		k. interesting stories
12. give		l. musical instruments

Ex VII: Match the words with their definitions.

1. heritage		a. bring back a situation or feeling that existed before
2. ancient		b. a building used for religious worship
3. preserve		c. the history, traditions, buildings and objects that a country has had for many years and that are considered an important part of its character
4. promote		d. belonging to a period of history that is thousands of years in the past

5. explore		e. being part of the beliefs, customs or way of life of a particular group of people
6. historical		f. to keep a particular quality, feature
7. restore		g. a building, statue built to remind people of a famous person or event
8. traditional		h. to help sell a product, service by advertising it or offering it at a special price
9. temple		i. to travel to an area or a country in order to learn more about it
10. monument		j. connected with the past